TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 02 - 2018
V/v ly hôn giữa chị H và anh V

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Huy Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Dụng.
2. Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 3 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Triệu Thị H, sinh năm 1990, có mặt.

- Địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

**** Bị đơn:*** Anh Đặng Văn V, sinh năm 1988, vắng mặt (anh V có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Địa chỉ: Thôn V, xã G, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án chị Triệu Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Đặng Văn V ngày 23/3/2012, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày vợ chồng về chung

sống cùng nhau ngay tại gia đình anh V, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối tháng 7/2012, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, ngoài ra anh V không quan tâm đến chị. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày một căng thẳng và trầm trọng, cuối tháng 02/2013 chị về bên ngoại sống ly thân với anh V, kể từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, vợ chồng sống ly thân một thời gian dài mà không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Toà án giải quyết cho chị và anh V được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Triệu Quỳnh C, sinh ngày 31/10/2013, hiện nay cháu C đang ở cùng chị. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh V đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Bị đơn anh Đặng Văn V tại biên bản lấy lời khai ngày 12/02/2018 trình bầy: Anh có nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án do bố đẻ là ông Đặng Văn H1 điện cho biết. Ngày 26/01/2018 anh có được nhận thông báo về việc công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải của Tòa án yêu cầu anh buổi sáng ngày 12/02/2018 có mặt tại Tòa án, nhưng anh không đến Tòa án để làm việc. Anh xác nhận về thời gian và điều kiện kết hôn với chị Triệu Thị H như chị H trình bày là đúng, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại gia đình anh, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Theo anh mâu thuẫn phát sinh từ cuối tháng 7/2012 nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng đối xử lạnh nhạt và không quan tâm đến nhau. Tháng 03/2013 chị H đã về bên ngoại và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng

đã hết, không còn khả năng đoàn tụ, chị H xin ly hôn, anh nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Triệu Quỳnh C, sinh ngày 31/10/2013, hiện cháu C đang ở cùng chị H. Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, anh nhất trí.

Về tài sản, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Tại phiên toà chị Triệu Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh V được ly hôn, chị đề nghị giao con chung cho chị nuôi dưỡng, không yêu cầu anh V đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ chung.

Ngày 12/12/2018 sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa ngày 28/02/2018.

Đại diệnViện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn chị Triệu Thị H thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định; bị đơn anh Đặng Văn V đã không chấp hành các giấy triệu tập của Toà án là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Tòa án đã giao giấy triệu tập phiên tòa và tống đạt quyết định xét xử hợp lệ, anh V có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh V là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Triệu Thị H và anh Đặng Văn V được ly hôn.

Về con chung: Giao chị Triệu Thị H nuôi dưỡng con chung là cháu Triệu Quỳnh C, sinh ngày 31/10/2013, tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đặng Văn V.

Về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh V không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Triệu Thị H là hộ nghèo của địa phương nên không phải chịu tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành giao quyết định xét xử và triệu tập hợp lệ cho bị đơn anh Đặng Văn V, sau khi nhận được giấy triệu tập phiên tòa và quyết định đưa vụ án ra xét xử anh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Triệu Thị H, bị đơn anh Đặng Văn V và những tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thì có cơ sở xác định như sau:

Chị Triệu Thị H và anh Đặng Văn V kết hôn ngày 23/3/2012, trước ngày cưới hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, hiện vợ chồng đã có một con chung với nhau, do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng: Chị H và anh V đều xác định vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng đối xử lạnh nhạt và sống ly thân từ tháng 3/2013 đến nay và không còn quan hệ tình cảm. Chị H và anh V đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể hàn gắn được, không còn khả năng đoàn tụ, do vậy anh chị đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh V đã xảy ra căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng sống ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, không có quan hệ tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H xin ly hôn, anh V nhất trí, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H, xử cho chị Triệu Thị H và anh Đặng Văn V được ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị H và anh V có một con chung là cháu Triệu Quỳnh C, sinh ngày 31/10/2013, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh V đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, anh V nhất trí. Xét thấy chị H nuôi dưỡng cháu C kể từ khi sinh cháu đến nay vẫn ổn định, do vậy cần tiếp giao cho chị H nuôi dưỡng con chung là phù hợp với khoản 2 điều 81 luật hôn nhân gia đình. Chị H không yêu cầu anh V đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, cần tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh V.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Triệu Thị H là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn của huyện Sơn Động và là hộ nghèo của địa phương có mã số sổ hộ nghèo số: NSD 12843 nên chị H không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 19; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Triệu Thị H và anh Đặng Văn V được ly hôn.

[2] Về con chung: Tiếp giao cho chị Triệu Thị H nuôi dưỡng con chung là cháu Triệu Quỳnh C, sinh ngày 31/10/2013. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh V.

[3] Về tài sản; công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Triệu Thị H.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện;*
- *THADS huyện;*
- *UBND xã Giáo Liêm;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Biên

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thắm ***Nguyễn Đức Dụng*** ***Nguyễn Huy Biên***